TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST Ngày: 04/8/2022. V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang và ông Doãn Đức Hùng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1982
Cư trú : Số nhà 210, Tổ 6, Ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1974
Cư trú : Số nhà 210, Tổ 6, ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T xin vắng mặt, ông L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử bà T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L tự nguyện yêu thương chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/2003 tại UBND xã T, huyện T (cũ nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01/2003.

Vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do

tính tình không hợp bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Ông L không tôn trọng bà T, ngoài ra ông L còn nghi ngờ bà T ngoại tình với người khác rồi chửi bới xúc phạm bà. Vợ chồng bà đã sống ly thân gần 01 năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai. Nhiều lần ông L nhắn tin đe dọa bà, vì muốn mau chóng chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông L nên cũng đã có lần bà nhắn lại thừa nhận bà ngoại tình để khiến ông L tức giận mà ly hôn với bà chứ thực ra từ trước đến nay bà không hề có mối quan hệ ngoại tình nào như ông L nghĩ. Mâu thuẫn gia đình bà T đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn với ông L.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 11/7/2004; Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 18/9/2006 và Nguyễn Chí T2, sinh ngày 28/4/2014. Đối với con chung Nguyễn Ngọc T1 hiện nay đã thành niên, đủ khả năng lao động nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Phát Đ và Nguyễn Chí T2 và không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T khai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Nợ chung: Bà T khai không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông L chỉ đến Tòa án một lần để cung cấp các bản chụp tin nhắn qua mạng xã hội zalo giữa ông L và bà T, ngoài ra ông không trình bày gì thêm cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, không ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì khác. Tại phiên tòa, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

** **Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến***:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao hai con chung là cháu Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 18/9/2006 và Nguyễn Chí T2, sinh ngày 28/4/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 11/7/2004 hiện nay đã thành niên, đủ khả năng lao động nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà T khai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*****:** Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của bà với ông Nguyễn Văn L vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn L nhưng ông L chỉ đến Tòa án một lần để cung cấp các bản chụp tin nhắn qua mạng xã hội zalo giữa ông L và bà T, ngoài ra ông không trình bày gì thêm cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, không ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì khác. Tại phiên tòa lần đầu và tại phiên tòa ngày hôm nay ông L vẫn không đến tham gia. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L là hợp pháp, vì lấy nhau tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Nay bà T xin ly hôn với ông L, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông L đã xảy ra trong thời gian dài. Mâu thuẫn do không hợp nhau, hay cãi vã nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Ông Nguyễn Văn L thiếu sự tôn trọng đến bà T, nghi ngờ bà T ngoại tình, thường xuyên xúc phạm bà T. Vợ chồng bà T ông L cũng đã sống ly thân gần một năm nay, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình cảm của bà T dành cho ông L không còn nên bà xin được ly hôn với ông L.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông L nhưng ông L không có bất cứ văn bản nào trả lời cho Tòa án về yêu cầu ly hôn của bà T. Tòa án cũng đã thông báo hòa giải để cho ông, bà có cơ hội gặp gỡ hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng ông L vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và ngày hôm nay ông L cũng vắng mặt không có lý do. Thể hiện bản thân ông L cũng không có thiện chí hàn gắn

mâu thuẫn gia đình với bà T. Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà T, ông L không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà T, ông L đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ly hôn với ông L.

2.2. Về con chung: Ông L đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện, nuôi con chung của bà T, nhưng trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay ông L không có bất cứ ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không đến Tòa án làm việc. Đối với con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 11/7/2004 hiện nay đã thành niên, đủ khả năng lao động bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Đối với con chưa thành niên là cháu Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 18/9/2006 và Nguyễn Chí T2, sinh ngày 28/4/2014 đều có nguyện vọng được chung sống với bà T và hiện đang trực tiếp chung sống với bà T. Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2022 tại xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai thể hiện bà T từ trước đến nay nuôi con đảm bảo tốt về mọi mặt. Hơn nữa hiện nay, bà T có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu Đ, cháu T2 nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà T.

2.2.2. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Bà T khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] ***Về án phí sơ thẩm***: Buộc bà T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T. Cho bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. *Về con chung*: Đối với con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 11/7/2004 đã thành niên, đủ khả năng lao động, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 18/9/2006 và Nguyễn Chí T2, sinh ngày 28/4/2014. Tạm thời ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của ông Nguyễn Văn L.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Bà T khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 000781 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Thùy đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (Giấy đăng ký kết hôn ngày 28/8/2003, số 118, quyển số 01/2003);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Như Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Xuân Tuất Trần Văn Ân

Ngô Thị Như Quỳnh